

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0105275178 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 1 năm 2006. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 11 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 11 năm 2019.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải đa phương thức bao gồm đường bộ, đường thủy và đường biển trong nước; cung cấp dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Công ty có trụ sở chính tại Thôn Tự Khoát, Xã Ngũ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Lan Hương	Chủ tịch	
Ông Phạm Huy Minh	Thành viên	
Ông Đinh Xuân Hưng	Thành viên	
Ông Trịnh Lương Ngọc	Thành viên	
Ông Đặng Lưu Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 23 tháng 6 năm 2020
Ông Hoàng Phương	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 1 tháng 6 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Nhiệm	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Trần Quang Vinh	Thành viên
Ông Trần Xuân Tứ	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đinh Xuân Hưng.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đinh Xuân Hưng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

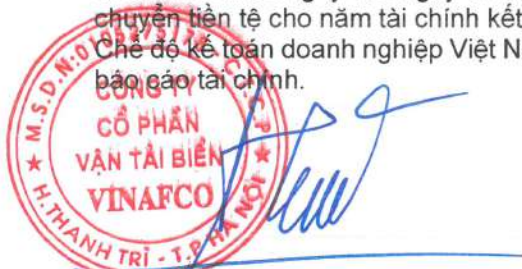
- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đinh Xuân Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 60923724/22335043

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinafco ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Thái Thành
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0402-2018-004-1



Lê Hồng Vân
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4432-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 12 tháng 4 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		125.856.321.583	115.862.466.605
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	18.859.039.802	18.923.783.008
111	1. Tiền		4.859.039.802	11.423.783.008
112	2. Các khoản tương đương tiền		14.000.000.000	7.500.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		5.130.000.000	5.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	5.130.000.000	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		86.389.102.784	76.962.603.923
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	79.776.884.774	78.236.205.907
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	1.156.956
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	25	4.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	8.822.432.771	4.935.455.821
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7	(6.210.214.761)	(6.210.214.761)
140	IV. Hàng tồn kho		13.717.681.286	13.732.793.281
141	1. Hàng tồn kho	8	13.717.681.286	13.732.793.281
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.760.497.711	1.243.286.393
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	1.760.497.711	1.243.286.393
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		58.425.527.002	81.509.250.085
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.425.317.414	1.425.317.414
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.425.317.414	1.425.317.414
220	II. Tài sản cố định		49.968.887.238	69.052.317.081
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	48.105.146.378	59.622.777.015
222	Nguyên giá		127.148.841.000	103.223.979.939
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(79.043.694.622)	(43.601.202.924)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	1.863.740.860	9.429.540.066
225	Nguyên giá		29.830.004.418	54.747.376.129
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(27.966.263.558)	(45.317.836.063)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		159.272.760	159.272.760
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(159.272.760)	(159.272.760)
260	III. Tài sản dài hạn khác		7.031.322.350	11.031.615.590
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	6.870.919.023	10.697.590.310
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	24.3	160.403.327	334.025.280
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		184.281.848.585	197.371.716.690

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		102.022.202.888	119.274.845.178
310	I. Nợ ngắn hạn		88.726.798.124	98.974.448.020
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	69.253.481.650	71.264.742.937
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		179.969.811	398.248.309
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	3.376.696.424	3.303.362.467
314	4. Phải trả người lao động	14	3.859.045.237	4.401.261.976
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.975.889.499	254.465.124
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	1.364.026.760
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	2.986.226.832	3.593.639.617
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	7.043.614.126	14.224.700.830
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		51.874.545	170.000.000
330	II. Nợ dài hạn		13.295.404.764	20.300.397.158
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	12.500.000.000	19.546.698.494
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		795.404.764	753.698.664
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		82.259.645.697	78.096.871.512
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	82.259.645.697	78.096.871.512
411	1. Vốn cổ phần		45.350.000.000	45.350.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		45.350.000.000	45.350.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.660.500.000	1.660.500.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.869.557.508	4.292.830.961
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		30.379.588.189	26.793.540.551
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		20.624.814.004	15.259.009.616
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		9.754.774.185	11.534.530.935
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		184.281.848.585	197.371.716.690

Bùi Thị Thanh Hương
Người lập

Trần Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Đinh Xuân Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.1	419.757.538.749	428.847.449.793
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	18.1	419.757.538.749	428.847.449.793
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	19	(391.677.451.144)	(398.941.807.753)
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ		28.080.087.605	29.905.642.040
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	981.104.671	816.639.706
22	7. Chi phí tài chính	20	(2.148.553.268)	(2.821.814.144)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(2.127.608.103)	(2.764.777.491)
25	8. Chi phí bán hàng		(44.818.955)	(347.919.909)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(15.906.748.208)	(14.432.265.456)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.961.071.845	13.120.282.237
31	11. Thu nhập khác	22	3.361.939.999	3.097.731.576
32	12. Chi phí khác	22	(1.842.090.146)	(1.584.898.535)
40	13. Lợi nhuận khác	22	1.519.849.853	1.512.833.041
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		12.480.921.698	14.633.115.278
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.1	(2.552.525.560)	(3.015.697.627)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	24.3	(173.621.953)	(82.886.716)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		9.754.774.185	11.534.530.935

Bùi Thị Thanh Hương
Người lập

Trần Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Đinh Xuân Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		12.480.921.698	14.633.115.278
02	Lợi nhuận trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
03	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	9, 10	19.093.726.203	19.410.020.149
04	Các khoản dự phòng		41.706.100	211.398.664
05	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(6.519.276)	(29.214.021)
06	Lãi từ hoạt động đầu tư	20	(1.335.284.207)	(2.312.559.872)
	Chi phí lãi vay		2.127.608.103	2.764.777.491
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		32.402.158.621	34.677.537.689
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(5.088.073.531)	3.834.405.420
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		15.111.995	(6.448.501.537)
11	Giảm các khoản phải trả		(2.120.048.233)	(4.626.482.212)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		3.309.459.969	(7.159.871.097)
14	Tiền lãi vay đã trả		(2.127.608.103)	(2.821.130.058)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	13	(3.215.697.627)	(3.142.410.167)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(268.125.455)	(1.103.863.066)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		22.907.177.636	13.209.684.972
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(10.296.360)	(35.615.460.650)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		450.758.110	1.568.118.277
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.130.000.000)	-
24	Tiền thu hồi cho vay		-	193.522.500
25	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	2.072.990.905
27	Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay		546.100.767	936.010.375
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.143.437.483)	(30.844.818.593)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		-	53.569.559.645
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(5.000.000.000)	(37.399.947.651)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(9.227.785.198)	(9.237.941.805)
36	Cổ tức đã trả		(5.600.688.000)	(3.980.060.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(19.828.473.198)	2.951.610.189
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(64.733.045)	(14.683.523.432)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.923.783.008	33.604.721.884
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(10.161)	2.584.556
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	18.859.039.802	18.923.783.008

Bùi Thị Thanh Hương
Người lập

Trần Thị Thu Hương
Kế toán trưởng

Đinh Xuân Hưng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2021